

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI 13 CỦA ĐẢNG

Nguyễn Thị Hương  
Trung tâm Chính trị thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh  
Bùi Thị Kim Anh  
Trung tâm Chính trị thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

**Tóm tắt:** Bài viết nghiên cứu quan điểm của Đại hội XIII về bảo vệ môi trường. Kế thừa quan điểm của các kỳ đại hội trước, Đại hội XIII đã có những quan điểm chỉ đạo đối với công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện quan điểm của Đại hội XIII, công tác bảo vệ môi trường đã có những kết quả quan trọng, song thực tiễn cũng cho thấy những hạn chế của công tác bảo vệ môi trường. Bài viết cũng đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường theo tinh thần nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Đại hội XIII; bảo vệ môi trường; giải pháp bảo vệ môi trường.

## CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO PROTECT THE ENVIRONMENT IN THE SPIRIT OF THE RESOLUTION OF THE 13TH PARTY CONGRESS

Nguyen Thi Huong  
The Political Center of Dong Trieu town, Quang Ninh Province  
Bui Thi Kim Anh  
The Political Center of Uong Bi City, Quang Ninh Province

**Abstract:** The article researches the views of the 13th Congress on environmental protection. Inheriting the views of previous congresses, the XIII Congress has had guiding views on environmental protection. Implementing the viewpoint of the 13th Congress, environmental protection has had important results, but practice also shows the limitations of environmental protection. The article also proposes a number of solutions to improve the efficiency of environmental protection in the spirit of the resolution of the 13th Party Congress in our country today.

**Keywords:** XIII Congress; environmental protection; Environmental protection solutions.

Nhận bài: 18/9/2024

Phản biện: 7/10/2024

Duyệt đăng: 9/10/2024

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiều năm qua, bảo vệ môi trường, tăng cường quản lý tài nguyên, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đã được ban hành xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra. Đại hội XIII của Đảng đã xác định bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng, không thể tách rời khỏi quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung vào việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện nghị quyết của Đại hội XIII của Đảng, công

tác bảo vệ môi trường đã ghi nhận những kết quả tích cực, song vẫn còn những hạn chế nhất định. Chính vì vậy, nghiên cứu quan điểm của Đại hội XIII và vận dụng vào thực tiễn công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Thực trạng bảo vệ môi trường ở Việt Nam

##### a) Quan điểm Đại hội XIII về bảo vệ môi trường

Nghị quyết Đại hội XIII xác định quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2026 tiếp tục khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững... phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu” [1, tr.214]. Về giải pháp bảo vệ môi trường,

Đại hội XIII xác định: “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” [2, tr.142]; “Có kế hoạch khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân” [1, tr.154]; “Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng trồng rừng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển” [1, tr.142]; “Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” [2, tr.144-145].

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quan điểm về bảo vệ môi trường. (i) Tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quản lý tài nguyên và môi trường (kiểm soát ô nhiễm môi trường; khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu). (ii) Tiếp tục thúc đẩy phát triển bền vững đất nước. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, nhấn mạnh “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường” [1, tr.117]... (iii) Coi trọng bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành. Theo đó “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của Nhân dân là mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái” [1, tr.114]. Nâng cao chất lượng môi trường không khí, có biện pháp hạn chế ô nhiễm tiếng ồn, xử lý rác thải ở các đô thị, khu vực đông dân cư. (iv) Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, bằng việc xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai đến bảo vệ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp, giảm nguồn phát thải khí nhà kính [1, tr.154]. (v) Gắn vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường biển với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Thực hiện tốt chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm

quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển. (vi) Các vấn đề sinh thái, môi trường, nguồn nước, lương thực, y tế là những vấn đề mang tầm an ninh quốc gia. Trong đó, nhấn mạnh cần xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Kông và sông Hồng. (vii) Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải gắn với hình thành chuỗi sản xuất tiếp nối, liên tục. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có nhiều nội dung mới về bảo vệ môi trường, từ đó đặt ra yêu cầu phải sớm thể chế các quan điểm này để triển khai vào thực tiễn.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng thể hiện quan điểm ngày càng coi trọng công tác bảo vệ môi trường, đặt ra mục tiêu cụ thể về môi trường đến năm 2030: “1- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; 2- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%; 3- Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính; 4- 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; 5- Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3-5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia” [1, tr.219-220]. “Đến năm 2030, cơ bản đạt các mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đạt 98%, trong đó riêng tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt đạt trên 65%” [1, tr.276]. Đây là những mục tiêu rất quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, thúc đẩy bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân.

#### *b) Kết quả đạt được*

Đại hội XIII của Đảng đánh giá: “Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có nhiều

chuyên biến rõ rệt” [2, tr.49]. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Việt Nam đã tiến hành điều tra cơ bản đánh giá tiềm năng, trữ lượng tài nguyên thiên nhiên. Kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động khai thác tài nguyên, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô. Tăng cường đầu tư phát triển năng lượng tái tạo nhằm làm cho tăng trưởng kinh tế giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên. Hệ thống các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên được bổ sung, hoàn thiện, nhất là đất đai và khoáng sản. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Các địa phương đã quan tâm chỉ đạo, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Đại hội XIII đánh giá, những năm qua, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được coi trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Hệ thống chính sách, pháp luật về những vấn đề này đã tiếp tục được hoàn thiện và tập trung triển khai thực hiện hiệu quả [1, tr.66]. Công tác bảo vệ rừng, trồng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học có nhiều chuyển biến tích cực. “Công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm hơn” [2, tr.50]. Đảng ta đã nỗ lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Nhiều chủ trương, chính sách nhằm tăng cường quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên quý giá này đã được ban hành, tuyên truyền rộng rãi trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và nhân dân. Hoạt động xử lý nước thải, chất thải rắn đã được tăng cường thực hiện và giám sát. Không phát sinh các sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Đã “xử lý kịp thời nhiều vụ việc, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng” [2, tr.49].

Việt Nam là nước đang phát triển, phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính ở mức độ còn thấp so với mức trung bình của thế giới, nhưng lại là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Vì vậy, nước ta đã “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sẵn sàng phòng, chống thiên tai kịp thời, hiệu quả” [2, tr.51], tích cực triển khai xây dựng *Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai*, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước biển dâng, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn. Triển khai chương trình mục tiêu ứng phó với bảo vệ môi trường và tăng trưởng

xanh, chủ động cam kết giảm thiểu phát thải nhà kính. Tập trung xây dựng chương trình phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng, khu vực, như vùng đồng bằng sông Cửu Long. “Một số chỉ tiêu môi trường đạt và vượt kế hoạch. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2020 đạt khoảng 90%, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nguồn nước ăn uống hợp vệ sinh ước đạt 90,2%, tăng mạnh so với năm 2015 (86,2%). Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2020 là 90%. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 khoảng 42%, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra” [2, tr.50-51]. Đây là những kết quả đáng khích lệ trong công tác bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta hiện nay.

### c) Những hạn chế, tồn tại

Cùng với những kết quả đạt, thực tiễn bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay cũng tồn tại những hạn chế. *Thứ nhất*, ý thức, nhận thức về vai trò, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành, cộng đồng và doanh nghiệp, người dân chưa được phát huy đầy đủ. Vẫn để xảy ra một số sự cố môi trường gây hậu quả nghiêm trọng. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo. Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp, thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng... [1, tr.86-87]. *Thứ hai*, xử lý, khắc phục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ở một số khu vực, lĩnh vực chưa triệt để, dẫn tới chất lượng môi trường sống của người dân chưa cao. Chất lượng không khí ở các đô thị có dấu hiệu suy giảm. Ô nhiễm môi trường vẫn diễn ra khá phổ biến ở một số khu công nghiệp, làng nghề, “chưa có cơ chế thúc đẩy việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải một cách hiệu quả” [2, tr.74]. *Thứ ba*, công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên chưa thực sự hiệu quả. “Khai thác tài nguyên thiếu bền vững, hiệu quả quản lý, sử dụng chưa cao” [2, tr.73]. Vẫn còn tình trạng xuất khẩu tài nguyên ở dạng thô (các loại quặng, dầu thô, than...) với giá rất rẻ nhưng sau đó phải nhập khẩu nguyên, nhiên liệu, như điện, xăng, dầu... với giá cao để phục vụ sản xuất. *Thứ tư*, hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học diễn ra chậm. “Tình trạng phá rừng, khai thác cát, đá, sỏi trái phép ở một số nơi ngăn chặn chưa hiệu quả” [2, tr.74], dẫn đến “Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm” [1, tr.87]. Mặc dù đã có nhiều chủ

trương, chính sách bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nhưng thực tế, rừng và đa dạng sinh học ở Việt Nam đang bị tàn phá và suy giảm nghiêm trọng. Thứ năm, biến đổi khí hậu tiếp tục gây ra những tác động rõ rệt đến môi trường tự nhiên, làm gia tăng các loại thiên tai cả về số lượng và quy mô. Đó là các trận bão, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét, hạn hán, nước biển dâng, làm giảm diện tích trồng trọt diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng xâm nhập mặn, phèn hóa, sạt lở bờ sông, bờ biển xảy ra nhiều ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung hay tình trạng sạt lở núi ở các tỉnh miền núi phía Bắc và công tác khắc phục còn chậm, hiệu quả chưa cao.

### **2.3. Giải pháp bảo vệ môi trường theo tinh thần nghị quyết Đại hội 13 của Đảng ở Việt Nam hiện nay**

Trong thời gian tới, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường theo tinh thần nghị quyết Đại hội XIII cần tập trung vào các giải pháp sau:

*Một là*, nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, từ đó thúc đẩy hành động cụ thể của các cá nhân và tổ chức. Đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào chương trình giảng dạy ở các cấp học và tổ chức các chiến dịch xã hội nhằm thay đổi hành vi, lối sống thân thiện với môi trường. nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân về bảo vệ môi trường, từ đó dẫn đến sự thay đổi nhận thức và hành vi của từng cá nhân, cộng đồng. Tích cực tuyên truyền, giáo dục trong các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, làm cho nhân dân hiểu rõ hậu quả trước mắt cũng như lâu dài của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đối với sự phát triển bền vững của đất nước, sức khỏe con người, đời sống xã hội.

*Hai là*, hoàn thiện chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính nghiêm minh và đồng bộ trong quản lý môi trường. Thực hiện nghiêm các biện pháp xử lý đối với các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong giám sát hoạt động bảo vệ môi trường. Các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường

ở nước ta hiện nay có khá nhiều, nhưng chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, còn chồng chéo, mâu thuẫn, nhất là giữa các Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản và Luật Đa dạng sinh học. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách đồng bộ, thống nhất. Đồng thời, đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên khoáng sản, đất, nước, rừng, biển, đa dạng sinh học, ô nhiễm và suy thoái môi trường. Xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn.

*Ba là*, đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, bền vững. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sản xuất thân thiện với môi trường, và tiết kiệm năng lượng. Đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng tái tạo (như điện gió, điện mặt trời), giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch. Xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn, trong đó tài nguyên được tái sử dụng và chất thải được xử lý hiệu quả nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Tích cực đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với tội phạm môi trường quốc tế nhằm góp phần đẩy lùi tình trạng gây ô nhiễm, xâm hại môi trường, suy thoái môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học của Việt Nam.

*Bốn là*, nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu. Triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là tại các khu vực ven biển và đồng bằng sông Cửu Long. Các biện pháp này bao gồm nâng cao hệ thống đê biển, phát triển các giống cây trồng và vật nuôi chịu được thời tiết khắc nghiệt. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các dự án bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, tận dụng nguồn lực và kinh nghiệm từ các nước tiên tiến. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo khí tượng, thủy văn và cảnh báo thiên tai; năng lực chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ, năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Năm là*, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến cơ sở. Chú trọng phát triển tổ chức quản lý môi trường ở các tập đoàn kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng về bảo vệ môi trường. Thực hiện các biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững tài

nguyên rừng, nước và đất đai. Đẩy mạnh trồng rừng, phục hồi rừng tự nhiên, và cải thiện hệ thống quản lý tài nguyên nước để đối phó với tình trạng khan hiếm nước ngọt. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, hạn chế khai thác tài nguyên một cách bừa bãi, bảo đảm sự phát triển bền vững.

Sáu là, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng. Kêu gọi sự tham gia của khu vực tư nhân trong các hoạt động bảo vệ môi trường, từ đó xây dựng các mô hình đối tác công - tư hiệu quả. Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng địa phương đóng góp ý tưởng, hành động để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại nơi họ sinh sống. Đồng thời, huy động sự tham gia của tất cả các bộ, ngành, cơ quan từ Trung ương đến địa phương, nhất là các cơ quan báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể người dân tham gia thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

### III. KẾT LUẬN

Bảo vệ môi trường là chủ trương lớn của Đảng, Đại hội XIII đã bổ sung những quan điểm mới chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường. Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường đã có những kết quả quan trọng góp phần đưa đất nước phát triển theo hướng bền vững; tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác bảo vệ môi trường còn những hạn chế cần khắc phục. Do vậy, nghiên cứu quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII và vận dụng vào thực tiễn bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay là rất cần thiết. Bảo vệ môi trường theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, và cộng đồng. Cần có sự thay đổi toàn diện trong cách tiếp cận phát triển kinh tế, đảm bảo bền vững và thân thiện với môi trường để giải quyết những thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập II*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.